

Số:1709/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1345/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 352/TTr-SNNMT ngày 27 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

(Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính kèm theo)

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thay thế 03 thủ tục hành chính được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai. *(mã thủ tục: 1.000987; 1.000970; 1.000943)*. Quyết định này hết hiệu lực thi hành.

Thay thế 01 thủ tục hành chính được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 2235/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai *(mã thủ tục 1.013861)*.

Thay thế 03 quy trình điện tử được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 1572/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Quyết định này hết hiệu lực thi hành.

Thay thế 01 quy trình điện tử được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 313/QĐ-UBND ngày 08/7/2025 về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai *(mã thủ tục 1.013861)*.

Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện theo thời điểm có hiệu lực tại Quyết định số 1345/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai

danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; phối hợp với đơn vị liên quan rà soát, đảm bảo thực hiện đúng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được cơ quan có thẩm quyền công bố; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức theo quy định tại Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác danh mục và nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện cập nhật, cấu hình quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trường Sơn

PHỤ LỤC

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ¹⁷⁰⁹/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	1.000987	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Tổng số ngày giải quyết: 14 ngày làm việc, trong đó: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc. - Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận Cấp phép: không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Thời hạn trả kết quả: không quá 01 ngày làm việc.	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần)	Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Điều 25 Luật Khí tượng thủy văn năm 2015. - Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. - Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. - Điều 8 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1345/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Điều 1 Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2020/NĐ-CP, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP.	
2	1.000970	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Tổng số ngày giải quyết: 14 ngày làm việc. Trong đó: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc. - Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận cấp phép: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần)	Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Điều 25 Luật Khí tượng thủy văn năm 2015. - Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. - Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1345/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			hợp lệ. - Thời hạn trả kết quả: không quá 01 ngày làm việc.				điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. - Điều 8 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Điều 1 Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2020/NĐ-CP, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP.	trường
3	1.000943	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo,	Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận cấp phép:	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính	Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh,	Không quy định	- Điều 25 Luật Khí tượng thủy văn năm 2015. - Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15,	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		cảnh báo khí tượng thủy văn	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần)	thành phố trực thuộc trung ương. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.		Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. - Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. - Điều 8 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Điều 1 Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi, bổ	Quyết định số 1345/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							sung bởi Nghị định số 48/2020/NĐ-CP, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP.	
4	1.013861	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt	Tổng số ngày giải quyết: 13 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định: tối đa 11 ngày làm việc.	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần)	Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Điều 48 Luật Khí tượng thủy văn năm 2015. - Điều 34 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. - Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. - Điều 8 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Điều 50 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1345/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh.					năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Điều 1 Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2020/NĐ-CP, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP.	

PHỤ LỤC

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

BƯỚC THỰC HIỆN	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
I. CẤP TỈNH					
1. Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.000987 (Một phần)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5	Không quy định	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1345/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	5,5		
Bước 4	Xem xét, ký Tờ trình và thông qua dự thảo quyết định (nếu hồ sơ đạt)/Văn bản ý kiến (nếu hồ sơ không đạt)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 5	Trình phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	4		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			14 ngày làm việc		

BƯỚC THỰC HIỆN	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
2. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, Mã số thủ tục hành chính: 1.000970 (Một phần)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1345/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	5,5		
Bước 4	Xem xét, ký Tờ trình và thông qua dự thảo quyết định (nếu hồ sơ đạt)/Văn bản ý kiến (nếu hồ sơ không đạt)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 5	Trình phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	4		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			14 ngày làm việc		
3. Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, Mã số thủ tục hành chính 1.000943 (Một phần)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,2		Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1345/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 4	Xem xét, ký Tờ trình và thông qua dự thảo quyết định (nếu hồ sơ đạt)/Văn bản ý kiến (nếu hồ sơ không đạt)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		

BƯỚC THỰC HIỆN	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 5	Trình phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	1		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,3		
Tổng cộng thời gian giải quyết			3 ngày làm việc		
4. Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh, Mã số thủ tục hành chính: 1.013861 (Một phần)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1345/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	6,5		
Bước 4	Xem xét, ký Tờ trình và thông qua dự thảo quyết định (nếu hồ sơ đạt)/Văn bản ý kiến (nếu hồ sơ không đạt)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2		
Bước 5	Trình phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	3		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			13 ngày làm việc		